

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 3 – 2021

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Võ Tinh Liêm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đất, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 686/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Việt H, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 139, ấp 2, xã TT, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Ấp 2, xã TT, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, ông Trịnh Việt H trình bày:*

Hôn nhân: Ông H và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, năm 2017 bà T bỏ nhà đi, ngày 29/10/2019 Tòa án nhân dân thành phố C Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà T nH không có kết quả, ngày 04/12/2020 Tòa án nhân dân thành phố C tuyên bố bà T mất tích theo Quyết định số 27/2020/QĐST-DS. Vì vậy ông H yêu cầu ly hôn với bà T.

Con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Tuyết K, sinh ngày 24/7/1997 và Trịnh Tinh K1, sinh ngày 12/01/1999 đã trưởng thành nên ông H không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[2] Bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bà T.

[3] Xét yêu cầu của ông H về việc được ly hôn với bà T: Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông H với bà T tự nguyện chung sống với nhau năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau ngày 09/10/2009 theo quy định của pháp luật, vì vậy hôn nhân giữa ông H với bà T là hợp pháp, được pháp luật công nhận bảo vệ. Tuy nhiên xét thấy, năm 2017 bà T đã bỏ nhà đi, ngày 29/10/2019 Tòa án nhân dân thành phố C đã Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà T nH không có kết quả, ngày 04/12/2020 Tòa án nhân dân thành phố C tuyên bố bà T mất tích theo Quyết định số 27/2020/QĐST-DS. Từ căn cứ trên xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông H với bà T không đạt được, nên việc ông H yêu cầu ly hôn với bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Tuyết K, sinh ngày 24/7/1997 và Trịnh Tnh K1, sinh ngày 12/01/1999 đã trưởng thành, ông H không đặt ra yêu cầu về trách nhiệm nuôi con vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình: Ông H phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Việt H.

Hôn nhân: Ông Trịnh Việt H được ly hôn bà Lê Thị T.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình: Ông Trịnh Việt H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 22 tháng 12 năm 2020 ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0000388 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Ông Trịnh Việt H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.C;
- TDS Tp.Cà Mau;
- UBND xã Q, h.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Việt Trung**